



ICLS/20/2018/Hướng dẫn

Hội nghị Quốc tế của những nhà thống kê lao động lần thứ 20
Geneva, ngày 10-19 tháng 10 năm 2018

Hướng dẫn liên quan đến số liệu thống kê của hợp tác xã

Mở đầu

Hội nghị quốc tế những nhà thống kê lao động lần thứ 20,

Nhận thấy nhu cầu thống kê về hợp tác xã ở tất cả các nước trên thế giới,

Nhắc lại nghị quyết liên quan đến công việc tiếp tục thống kê về hợp tác xã được thông qua bởi Hội nghị quốc tế những nhà thống kê lao động lần thứ 19 (2013),

Nhắc lại các yêu cầu của Khuyến nghị Thúc đẩy Hợp tác xã, 2002 (số 193), đặc biệt là sự cần thiết của các chính sách quốc gia để cải thiện số liệu thống kê quốc gia về hợp tác xã nhằm xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển,

Nhắc lại các tiêu chuẩn thống kê quốc tế hiện có trong các nghị quyết được Hội nghị Quốc tế của những nhà thống kê lao động thông qua, đặc biệt là nghị quyết liên quan đến số liệu thống kê về việc làm, việc sử dụng việc làm và lao động không đúng mức được Hội nghị quốc tế lần thứ 19 (2013) thông qua và nghị quyết liên quan đến số liệu thống kê về quan hệ việc làm được thông qua bởi Hội nghị Quốc tế những nhà thống kê lao động lần thứ 20 (2018),

Nhận thức được nhu cầu về sự nhất quán với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế hiện hành khác, đặc biệt là về Hệ thống Tài khoản Quốc gia (SNA),

Tán thành các hướng dẫn sau đây và khuyến khích các quốc gia thử nghiệm khung khái niệm mà các hướng dẫn dựa vào.

Mục tiêu và việc sử dụng

1. Các hướng dẫn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một bộ thống kê về hợp tác xã và sẽ cung cấp cơ sở thông tin đầy đủ cho các mục đích mô tả, phân tích và xây dựng chính sách, trong đó có tính đến các nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể của quốc gia.
2. Các số liệu thống kê về hợp tác xã cần:
 - (i) cho phép giám sát sự đóng góp của hợp tác xã vào thị trường lao động và nền kinh tế;
 - (ii) thông báo việc thiết kế, thực hiện và đánh giá các chính sách và chương trình kinh tế và xã hội;
 - (iii) tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích các nhóm người lao động hoặc thành viên như phụ nữ và nam giới, thanh niên và các nhóm quan tâm đặc biệt khác.
3. Để đạt được những mục tiêu này, trong chừng mực có thể, bộ thống kê phải bao gồm các số liệu thống kê về:
 - (i) số lượng và loại hình hợp tác xã;
 - (ii) thành viên hợp tác xã;
 - (iii) việc làm tạo ra trong hợp tác xã, bao gồm việc làm và các hình thức việc làm khác được xác định trong nghị quyết liên quan đến thống kê việc làm, sử dụng lao động và việc sử

dụng lao động không đúng mức do Hội nghị Quốc tế những nhà thống kê lao động lần thứ 19 (2013) thông qua;
(iv) sự đóng góp kinh tế của hợp tác xã.

4. Số liệu thống kê về hợp tác xã cần được xây dựng với sự tham vấn của nhiều đối tượng sử dụng số liệu thống kê, phù hợp với các số liệu thống kê kinh tế và xã hội khác và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Các hướng dẫn này sẽ giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa ra số liệu thống kê về hợp tác xã cho các mục đích khác nhau như một phần của hệ thống tích hợp quốc gia được dựa trên các khái niệm và định nghĩa chung.
5. Khi xây dựng số liệu thống kê về hợp tác xã, các quốc gia cần cố gắng kết hợp với các hướng dẫn này để thúc đẩy khả năng so sánh quốc tế và cho phép đánh giá các xu hướng đối với thị trường lao động và phân tích kinh tế và xã hội.

Các khái niệm và định nghĩa tham chiếu

6. Hợp tác xã được định nghĩa là một hiệp hội tự trị gồm những người và / hoặc pháp nhân cùng nhau làm việc một cách tự nguyện để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa của họ thông qua một doanh nghiệp đồng sở hữu và được kiểm soát một cách dân chủ.
7. Các thành viên thành lập hoặc tham gia hợp tác xã để hưởng lợi từ việc sử dụng hoặc giao dịch phát sinh. Thành viên vừa có tư cách chủ sở hữu vừa là người sử dụng hàng hóa, dịch vụ do hợp tác xã cung cấp.
8. Theo luật pháp quốc gia, thành viên của hợp tác xã có thể là cá nhân hoặc pháp nhân và tư cách thành viên phải được mở rộng cho tất cả mọi người và chủ thể có thể sử dụng dịch vụ của họ và sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm của thành viên, không phân biệt giới tính, xã hội, chủng tộc, chính trị hoặc tôn giáo.
9. Trong SNA, hợp tác xã là các đơn vị thể chế và là một phần của các tập đoàn phi tài chính, các tập đoàn tài chính hoặc các tổ chức phi lợi nhuận (NPI). Nếu các mặt hàng liên kết của một hợp tác xã ngăn cản nó phân phối lợi nhuận hoặc thặng dư của mình, thì nó sẽ được coi là NPI; nếu nó có thể phân phối lợi nhuận hoặc thặng dư của mình cho các thành viên, nó không phải là NPI.
10. Hợp tác xã khác với các tập đoàn ở chỗ được các thành viên kiểm soát một cách dân chủ theo nguyên tắc mỗi thành viên một phiếu bầu.
11. Hợp tác xã phi lợi nhuận cũng khác với các tổ chức phi lợi nhuận ở chỗ thành viên là người sử dụng hàng hóa, dịch vụ do hợp tác xã cung cấp và mỗi thành viên đều góp vốn vào hợp tác xã.

Các loại hình hợp tác xã

12. Căn cứ vào lợi ích chính của các thành viên hợp tác xã, có thể phân biệt bốn loại hình hợp tác xã chính (sơ đồ 1):

- (i) hợp tác xã sản xuất;
- (ii) hợp tác xã người lao động;
- (iii) hợp tác xã người tiêu dùng / người sử dụng;
- (iv) hợp tác xã nhiều bên tham gia.

13. Trong một hợp tác xã sản xuất, lợi ích chính của các thành viên liên quan đến hoạt động sản xuất của họ như các doanh nghiệp. Các thành viên thường bao gồm các doanh nghiệp hộ gia đình như các nhà sản xuất nông nghiệp hoặc thủ công nhỏ nhưng cũng có thể bao gồm các tập đoàn.
14. Trong hợp tác xã người lao động, các thành viên cùng quan tâm đến việc làm được cung cấp hoặc đảm bảo thông qua hợp tác xã. Các thành viên là những người lao động cá nhân (thành viên) được đảm bảo việc làm trực tiếp thông qua hợp tác xã của họ.
15. Trong hợp tác xã người tiêu dùng / người sử dụng, các thành viên là người tiêu dùng hoặc người sử dụng hàng hóa hoặc dịch vụ do hoặc thông qua hợp tác xã cung cấp. Các hợp tác xã dịch vụ tài chính được phân loại là một phần của hợp tác xã tiêu dùng / HTX người sử dụng ngay cả khi các hợp tác xã này cũng phục vụ những người sản xuất.
16. Hợp tác xã nhiều bên tham gia là hợp tác xã có nhiều hơn một loại thành viên tham gia đáng kể vào hoạt động của hợp tác xã và trong đó:
- (i) có nhiều hơn một loại thành viên đại diện trong cơ cấu quản trị của hợp tác xã; và
 - (ii) không có loại thành viên nào có vị trí thống lĩnh thông qua đa số phiếu trong bộ máy quản trị hoặc độc quyền phủ quyết đối với các quyết định.

Các loại hình hợp tác xã khác cũng có thể có nhiều loại thành viên nhưng chỉ có một loại thành viên là chủ yếu trong bộ máy quản trị của hợp tác xã.

Sơ đồ 1. Các loại hình hợp tác xã

| Loại hình hợp tác xã | Sự quan tâm của các thành viên | Loại thành viên |
|--|--------------------------------|---|
| Hợp tác xã sản xuất | Hoạt động sản xuất | Thành viên là những người sản xuất: - các doanh nghiệp như nhà sản xuất nông nghiệp hoặc thủ công nhỏ - có thể được sát nhập hoặc |
| Hợp tác xã người lao động | Việc làm | Người lao động-thành viên |
| Người tiêu dùng / hợp tác xã người tiêu dùng | Tiêu thụ | Thành viên là người tiêu dùng: khách hàng, khách hàng gia đình, tổ chức phi lợi nhuận, nhà sản xuất, tập đoàn |

| | | |
|-------------------------------|-------------------------------|--|
| Hợp tác xã nhiều bên tham gia | Quan tâm nhiều hơn một vấn đề | Thành viên là những người sản Thành viên là người tiêu dùng Thành viên là người lao động |
|-------------------------------|-------------------------------|--|

Đơn vị thống kê

17. Các đơn vị khác nhau có liên quan đến việc tính toán số liệu thống kê về hợp tác xã. Các đơn vị cơ bản là các hợp tác xã; thành viên hợp tác xã; con người; công việc hoặc hoạt động việc làm; và các đơn vị thể chế được xác định trong SNA và Phân loại ngành nghề theo tiêu chuẩn quốc tế về tất cả các hoạt động kinh tế, Bản sửa đổi lần thứ 4 (ISIC, Rev. 4).

18. Tư cách thành viên được xác định là số lượng thành viên của mỗi hợp tác xã.

Định nghĩa hoạt động

19. Định nghĩa về hợp tác xã hoạt động dựa trên bốn tiêu chí:

- (i) Hợp tác xã phải là một đơn vị thể chế được thành lập chính thức (công ty phi tài chính, công ty tài chính hoặc tổ chức phi lợi nhuận);
- (ii) Hợp tác xã phải được kiểm soát một cách dân chủ bởi các thành viên theo nguyên tắc mỗi thành viên đều có biểu quyết ngang nhau;
- (iii) Tư cách thành viên của hợp tác xã phải tự nguyện và không hạn chế;
- (iv) Việc phân chia lợi nhuận hoặc thặng dư giữa các thành viên không liên quan trực tiếp đến phần vốn góp của từng thành viên.

20. Hợp tác xã chưa đăng ký là doanh nghiệp hoạt động theo phương thức tương tự như hợp tác xã nhưng không đăng ký. Các hợp tác xã này cần được xác định riêng biệt dựa trên các tiêu chí (ii), (iii) và (iv) được liệt kê trong khoản 19 ở trên.

21. Các tổ chức xã hội tương hỗ, các nhóm tự lực hoặc các liên doanh xã hội (như được định nghĩa trong SNA) không được tính là hợp tác xã.

22. Cả cá nhân và pháp nhân đều có thể là thành viên của nhiều hợp tác xã. Do đó, các hợp tác xã có các tư cách thành viên có thể không loại trừ lẫn nhau, nhưng tư cách thành viên có thể quan trọng đối với các nhóm hoặc loại hình hợp tác xã.

23. Số liệu thống kê về hợp tác xã cần bao gồm số liệu thống kê về cá nhân và doanh nghiệp là thành viên của hợp tác xã và số liệu thống kê về các công ty con không phải là hợp tác xã, chẳng hạn như các doanh nghiệp hợp nhất do hợp tác xã làm chủ sở hữu hoặc kiểm soát.

Việc làm trong hợp tác xã

24. Việc làm thực hiện trong hợp tác xã có thể do các thành viên và những người không phải là thành viên đảm nhận và có thể bao gồm tất cả các hình thức việc làm được xác định trong nghị quyết liên quan đến thống kê việc làm, việc sử dụng lao động và việc làm không đúng mức do Hội nghị quốc tế những nhà thống kê lao động lần thứ 19 (2013) thông qua.
25. Việc làm thuộc phạm vi thống kê về hợp tác xã bao gồm việc làm do thành viên và người không phải là thành viên thực hiện trong:
 - (i) Hợp tác xã;
 - (ii) Các đơn vị kinh tế là thành viên của hợp tác xã sản xuất, hợp tác xã nhiều bên tham gia;
 - (iii) Doanh nghiệp con do hợp tác xã sở hữu hoặc kiểm soát.

Thống kê về việc làm tạo ra trong hợp tác xã, đặc biệt là thống kê về sử dụng người lao động, phải được tổng hợp và lập thành bảng riêng biệt hoặc tách rời cho từng đơn vị thể chế này.

26. Theo định nghĩa, thành viên là người lao động của hợp tác xã thực hiện việc làm trong hợp tác xã của mình. Thành viên là người sản xuất và người tiêu dùng cũng có thể thực hiện việc làm trong hợp tác xã của họ. Việc làm cũng được thực hiện trong các doanh nghiệp là thành viên của hợp tác xã khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ do hoặc thông qua hợp tác xã cung cấp (cụ thể là ở các hợp tác xã sản xuất), cũng như trong các doanh nghiệp con do một hợp tác xã sở hữu hoặc kiểm soát.
27. Việc làm do thành viên thực hiện không liên quan đến hợp tác xã phải được coi là công việc ngoài phạm vi thống kê về hợp tác xã.
28. Thành viên là người lao động của hợp tác xã là những người lao động phụ thuộc vì họ không có cùng mức độ kiểm soát đối với hoạt động của doanh nghiệp mình, chẳng hạn như cổ đông lớn. Nếu những người lao động này được trả lương theo thời gian làm việc hoặc theo từng nhiệm vụ, công việc được thực hiện trong hợp tác xã thì họ được phân loại là những người lao động của hợp tác xã của mình; nếu họ chỉ được trả lợi nhuận hoặc thặng dư hoặc trả phí cho mỗi dịch vụ, họ phải được phân loại là nhà thầu phụ thuộc theo nghị quyết liên quan đến thống kê về các mối quan hệ việc làm được thông qua bởi Hội nghị quốc tế những nhà thống kê lần thứ 20 (2018).
29. Nói chung, chủ sở hữu doanh nghiệp là thành viên của hợp tác xã sản xuất phải được phân loại là những người lao động độc lập; họ có thể được phân loại là lao động phụ thuộc nếu hoạt động kinh doanh của họ phụ thuộc đáng kể hoặc hoàn toàn vào hợp tác xã về khả năng tiếp cận thị trường, tổ chức hoặc định giá công việc (nghĩa là hợp tác xã kiểm soát ngầm hoặc rõ ràng hoạt động của các thành viên) và nếu họ đáp ứng các tiêu chí được phân loại là các nhà thầu phụ thuộc được quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành về thống kê các mối quan hệ việc làm.
30. Thành viên hợp tác xã có thể thực hiện công việc quản lý, điều hành hợp tác xã. Khi công việc do HTX trả lương đó được thực hiện bởi những người là chủ các doanh nghiệp thành viên của

HTX sản xuất thì công việc đó phải được coi là việc làm trong hợp tác xã. Khi các thành viên của hợp tác xã sản xuất thực hiện công việc đó mà không được hợp tác xã trả lương thì việc đó được coi là việc làm của người lao động trong doanh nghiệp thành viên; khi thành viên là người lao động của hợp tác xã thực hiện, dù có trả công hay không, thì đó phải được coi là việc làm trong công việc của họ trong hợp tác xã. Nếu các thành viên là người tiêu dùng thực hiện bất kỳ loại công việc nào trong hợp tác xã của họ mà không được trả lương thì đó là công việc tình nguyện.

31. Những người không phải là thành viên có thể thực hiện việc làm trong tất cả các loại hình hợp tác xã, kể cả với tư cách là người lao động và tình nguyện viên.

Thu thập, lập bảng và phân tích dữ liệu

32. Để đánh giá sự đóng góp kinh tế của các hợp tác xã, điều quan trọng là phải tính đến các đặc điểm của các loại hình hợp tác xã. Có thể cần các biện pháp đo lường khác nhau về sự đóng góp này tùy thuộc vào loại hình hợp tác xã (và cả lợi ích của các thành viên). Vì mục đích này, cần thu thập thông tin về việc làm, doanh thu, giá trị gia tăng, tài sản, công nợ, việc sử dụng lợi nhuận hoặc thặng dư, đầu tư và thu nhập của người lao động trong phạm vi thống kê về hợp tác xã. Thông tin cũng cần được thu thập về cổ phần, các giao dịch với thành viên và không phải thành viên.
33. Số liệu thống kê toàn diện về hợp tác xã, thành viên hợp tác xã và các công việc hoặc hoạt động việc làm thực hiện trong phạm vi thống kê về hợp tác xã phải được công bố thường xuyên, nếu có thể, ít nhất 5 năm một lần. Các số liệu thống kê toàn diện như vậy tốt nhất nên dựa trên điều tra dân số hợp tác xã nhưng cũng có thể dựa trên các cuộc điều tra mẫu định kỳ.
34. Trong phạm vi có thể, số liệu thống kê phải được tổng hợp riêng cho các hợp tác xã, các doanh nghiệp là thành viên của hợp tác xã và các doanh nghiệp do hợp tác xã làm chủ sở hữu và kiểm soát.
35. Việc giám sát thường xuyên (tốt nhất là hàng năm) đối với các hợp tác xã có thể dựa trên các hồ sơ hành chính nếu các hồ sơ này được điều chỉnh cho các mục đích thống kê và điều tra cơ sở; dữ liệu về những người là thành viên của hợp tác xã cũng có thể được thu thập thông qua điều tra hộ gia đình.
36. Số liệu thống kê của các hợp tác xã cần được lập bảng một cách có hệ thống, cụ thể như sau:
 - (i) Theo bốn loại hình hợp tác xã chính được liệt kê trong khoản 12 ở trên, cũng như theo các loại hình cụ thể của từng quốc gia nếu có liên quan và khả thi;
 - (ii) Theo ngành hoạt động kinh tế;
 - (iii) Theo khu vực phù hợp với mục đích quốc gia, bao gồm cả khu vực thành thị và nông thôn.
37. Số liệu thống kê về những người là thành viên hợp tác xã, bao gồm cả chủ sở hữu doanh nghiệp

là thành viên hợp tác xã, cũng như số liệu thống kê về việc làm trong hợp tác xã, cần được phân tách một cách có hệ thống theo các đặc điểm quan trọng của người đó, cụ thể là theo giới tính, nhóm tuổi, địa lý, khu vực thành thị và nông thôn, và theo loại thành viên.

38. Số liệu thống kê về việc làm tạo ra trong hợp tác xã cần được phân tách một cách có hệ thống theo các đặc điểm quan trọng của việc làm, bao gồm tình trạng việc làm, nghề nghiệp và hoạt động kinh tế của hợp tác xã, cũng như theo đặc điểm của người nắm giữ công việc, bao gồm cả giới tính và nhóm tuổi.
39. Nếu có thể, các hợp tác xã không hoạt động nên được xác định riêng biệt và loại trừ khỏi số liệu thống kê về các hợp tác xã.

Việc làm tương lai

40. ILO, phối hợp với các quốc gia và tổ chức quan tâm, nên sắp xếp việc rà soát các khái niệm và định nghĩa được trình bày trong các hướng dẫn này.
41. ILO, phối hợp với các bên quan tâm, cần xây dựng các biện pháp đánh giá đóng góp kinh tế của các hợp tác xã.
42. ILO, phối hợp với các quốc gia và tổ chức quan tâm, cần tiếp tục công việc mang tính phương pháp luận liên quan đến các hướng dẫn này, đặc biệt là đối với các đơn vị hoạt động giống với hợp tác xã và các đơn vị không đăng ký.